TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 570/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2025
V/v: "*Tranh chấp Ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đẹp.
2. Ông Dương Văn Quí.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Hồng Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Ngọc Duyên – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà N T D, sinh năm 1983 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 124/1C ấp 9, xã Đ T, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: ông V Đ H, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: 34/7B ấp H L 2, xã B Đ, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/12/2024, bản tự khai và các tài liệu khác trong hồ sơ, nguyên đơn bà N T D trình bày:

Bà và ông V Đ H tự nguyện tìm hiểu và tiến tới chung sống với nhau vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L X, huyện B G, tỉnh H D ngày19/3/2006. Quá trình chung sống lúc đầu hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay tranh cãi, xúc phạm nhau khiến cả hai không còn hạnh phúc nữa. Bà và ông H đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, hiện tại cả hai đã sống ly thân. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông V Đ H.

Về con chung: Có 03 con tên V G B, sinh ngày 16/3/2007 (đã trưởng thành); V G B, sinh ngày 03/7/2013 và V G P, sinh ngày 10/10/2017. bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung G B và G P, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông V Đ H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi hội đồng xét xử nghị án, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn xét thấy Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân đều tuân theo đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phần nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà N T D đối với ông V Đ H về ly hôn, về con chung và cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà N T D khởi kiện ly hôn với ông V Đ H. Bị đơn ông V Đ H cư trú tại 34/7B ấp H L2, xã B Đ, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 20/5/2025, bà N T D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông V Đ H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Bà N T D yêu cầu được ly hôn với ông V Đ H. Yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung:bà D khai không có.

[3.1] Về yêu cầu ly hôn: Bà N T D yêu cầu được ly hôn với ông V Đ H.

Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Bà N T D và ông V Đ H tự nguyện tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã L X, huyện B G, tỉnh H D cấp giấy chứng nhận kết hôn số 018, quyển số 01-2006 vào ngày 19/3/2006, có cơ sở xác định hôn nhân của bà D và ông H là hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông H là có thật, bởi lẽ bà D trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2017, do cả hai vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cải vã, mất hạnh phúc nên bà D và ông H đã sống ly thân. Mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Xét thấy giữa

D và ông H có thời gian ly hân đã lâu, đôi bên có cuộc sống riêng, đến nay vợ chồng cũng không hàn gắn lược.

Đồng thời, sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để tham gia hòa giải nhưng bị đơn không đến tòa, cũng không có văn bản hể hiện ý kiến để bảo vệ quyền lợi của mình, chứng tỏ bị đơn không quan tâm hàn gắn quan hệ vợ chồng nên có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng bà D và ông H trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ giữa các bên không có nên bà D yêu cầu ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Có 03 con tên V G B, sinh ngày 16/3/2007 (đã trưởng thành); V G B, sinh ngày 03/7/2013 và V G P, sinh ngày 10/10/2017. bà D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung G B và G P và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[3.2.1] Về quyền nuôi con: Tại bản tự khai ngày 27/3/2025 G B và G P đều có nguyện vọng được sống với bà D. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà D trực tiếp nuôi dưỡng G B và G P là có cơ sở pháp lý.

[3.2.2] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: bà D không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà D khai không có và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn là có cơ sở pháp lý.

Chính vì những phân tích nên trên nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà N T D đối với ông V Đ H.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Về án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng:bà D phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 264; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N T D.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N T D được ly hôn với ông V Đ H.

[1.2] Về con chung: Có 03 con tên V G B, sinh ngày 16/3/2007 (đã trưởng thành); V G B, sinh ngày 03/7/2013 và V G P, sinh ngày 10/10/2017. Giao trẻ G

B và G P cho bà N T D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.bà D không yêu cầu ông V Đ H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[1.3] Về tài sản, nợ chung:bà D khai không có.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng buộc bà N T D phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà N T D đã nộp theo biên lai thu số 0047893 ngày 10/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. bà D đã nộp đủ án phí.

[3] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ánh Nguyệt